

Số: 211 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH

Cải thiện và nâng cao các Chỉ số: Cải cách hành chính (Par Index), Hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Xanh cấp tỉnh (PGI) và Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 15-4-2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII và thực hiện Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Thực hiện Kế hoạch số 41-KH/TU ngày 12-01-2022 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng hiệu quả công tác cải cách hành chính theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 08-6-2022 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang đến năm 2025; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 23/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 29/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 02/06/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang phiên bản 2.0; Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kiên Giang.

Trên cơ sở kết quả các chỉ số của tỉnh hằng năm được Bộ Nội vụ; Liên

đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI); Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (VFF-CRT), Công ty Phân tích thời gian thực (RTA) công bố, nhằm kịp thời khắc phục và từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI của tỉnh trong thời gian tới. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải thiện và nâng cao các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI của tỉnh Kiên Giang, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đánh giá toàn diện kết quả đạt được đối với từng chỉ số; xác định rõ những kết quả nổi bật đã đạt được, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân. Trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp cụ thể để khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế đối với từng nội dung tiêu chí thành phần của từng chỉ số. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban, ngành, địa phương (cơ quan, đơn vị, địa phương) trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để khắc phục các tồn tại, hạn chế phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh.

b) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là xác định trách nhiệm của người đứng đầu tại từng cơ quan, đơn vị, địa phương đối với việc khắc phục các tồn tại, hạn chế trong việc duy trì cải thiện điểm số, thứ hạng các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI.

2. Yêu cầu

a) Nâng cao chất lượng từng chỉ số bảo đảm hiệu quả, thiết thực, đúng tiến độ; không thực hiện hình thức, không chạy theo thành tích, nói đi đôi với làm trong triển khai thực hiện nội dung từng chỉ số tại các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương.

b) Xác định nội dung công việc gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai có hiệu quả 05 chỉ số. Bảo đảm sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành liên quan có hiệu quả, đúng tiến độ các mục tiêu đã nêu trong Kế hoạch.

c) Cải thiện, nâng cao điểm số và vị trí xếp hạng qua từng năm đối với các chỉ số nêu trên của tỉnh so với cả nước, phấn đấu đến năm 2025 các chỉ số của tỉnh đạt nhu sau:

- Chỉ số Par Index: Thuộc nhóm 30 tỉnh dẫn đầu so với cả nước.

- Chỉ số SIPAS: Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức cao hơn mức trung bình cả nước.

- Chỉ số PCI: Thuộc nhóm khá.
- Chỉ số PGI: Thuộc nhóm khá.
- Chỉ số PAPI: Thuộc nhóm “Trung bình khá”.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tập trung giải quyết tốt 03 nhóm vấn đề: “Cải cách thủ tục hành chính” - “Công khai minh bạch” - “Trách nhiệm giải trình”. Trong đó:

- Cải cách thủ tục hành chính: Phải giải quyết đúng thời hạn; đảm bảo theo quy định của pháp luật; phần đầu có giải pháp rút ngắn thời gian giải quyết một số thủ tục; chấn chỉnh tinh thần trách nhiệm và thái độ của cán bộ, công chức, viên chức trong phục vụ đối với người dân, doanh nghiệp.

- Công khai, minh bạch: Phải đa dạng bằng nhiều hình thức, đặc biệt chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin; nhất là việc công khai các lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng, đô thị; danh mục dự án thu hồi đất; các cơ quan, đơn vị, địa phương cần truyền tải thông tin, dữ liệu về Sở Thông tin và Truyền thông để cập nhật kho dữ liệu đảm bảo đầy đủ, công khai,...

- Trách nhiệm giải trình: Là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cải cách hành chính, phải tập trung vào công tác tuyên truyền, hướng dẫn và trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được kịp thời.

2. Về Chỉ số Par Index và SIPAS

a) Đổi mới phương thức lãnh đạo, công tác chỉ đạo điều hành trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC).

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương cần xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn, sản phẩm dự kiến hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan liên quan; bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng thời hạn, công khai, minh bạch, đúng pháp luật trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ CCHC; bảo đảm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC đã đề ra trong kế hoạch hằng năm; thường xuyên theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC định kỳ hằng quý để kịp thời phát hiện và chỉ đạo xử lý, chấn chỉnh những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai và phối hợp thực hiện giữa các sở, ban, ngành và giữa các sở, ban, ngành với các địa phương.

- Khuyến khích xây dựng và triển khai thực hiện các mô hình mới, cách làm hay về công tác CCHC, phù hợp với phạm vi, thẩm quyền được giao và các

chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về CCHC, tạo bước đột phá trong công tác CCHC của tỉnh. Kịp thời phát hiện, nhân rộng các mô hình, sáng kiến trong CCHC; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân điển hình làm tốt công tác CCHC, gắn với kiểm điểm trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân trong tổ chức thực hiện công tác này.

- Phát huy tốt vai trò của các cơ quan tham mưu, Tổ công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao đảm bảo tiến độ và chất lượng, mục tiêu, yêu cầu; nâng cao chất lượng công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền và không để tồn đọng, trễ hạn.

b) Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác cải CCHC của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng nâng cao tính đồng bộ, tính thống nhất và bảo đảm tính khả thi, kịp thời của các văn bản quy phạm pháp luật.

- Tổ chức tốt các hoạt động đối thoại trực tiếp hoặc thông qua các kênh thông tin, tiếp nhận, thu thập, tổng hợp các phản ánh, kiến nghị, ý kiến của doanh nghiệp, người dân về các quy định không còn phù hợp, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh để rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế các quy định cho phù hợp thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt việc công bố, công khai và cập nhật kịp thời các thủ tục hành chính (TTHC) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, đảm bảo cho người dân, tổ chức dễ dàng tiếp cận, tra cứu và thực hiện TTHC được thuận lợi.

- Tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức, giảm tối đa tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, giảm thời gian đi lại và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trong cung ứng dịch vụ công. Tổ chức thực hiện nghiêm túc việc thông báo và xin lỗi người dân, tổ chức trong việc giải quyết TTHC trễ hạn.

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan trả lời đúng, đủ, kịp thời các nội dung phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức; đồng thời phải cập nhật, công khai nội dung đã trả lời lên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để cá nhân, tổ chức biết.

- Đẩy mạnh tuyên truyền và triển khai có hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, thực hiện kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia để phục vụ người dân, doanh nghiệp; Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025; Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

c) Rà soát, xác định nhiệm vụ các cơ quan hành chính của tỉnh, những công việc cần phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện; sắp xếp kiện toàn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo chỉ đạo của Chính phủ và kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề ra.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm chỉ đạo tiếp tục rà soát, xây dựng đề án vị trí việc làm, gắn với sắp xếp bố trí công chức, viên chức đảm bảo theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện đề án vị trí việc đã được phê duyệt để kịp thời chấn chỉnh, xử lý các trường hợp vi phạm trong việc bố trí công chức, viên chức không đúng vị trí việc làm sau khi được phê duyệt.

d) Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, gây khó khăn, phiền hà sách nhiễu đối với doanh nghiệp, người dân, nhất là trong lĩnh vực đất đai, đầu tư, cấp phép xây dựng... và không xem xét khen thưởng đối với các cơ quan, cá nhân để xảy ra tình trạng giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn.

d) Xây dựng văn hóa công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng lấy người dân, tổ chức làm trung tâm phục vụ, vì sự hài lòng của người dân, tổ chức, đặc biệt là xây dựng hình ảnh đội ngũ công chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân; gắn với đổi mới phương pháp làm việc, cung ứng dịch vụ công của cơ quan nhà nước cho người dân, tổ chức, nhất là những nội dung chỉ số mà người dân, tổ chức đánh giá chưa tích cực, hài lòng thấp nhằm đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng cao của người dân, tổ chức và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

e) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức các cấp, trong đó chú ý đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

g) Tiếp tục chỉ đạo thực đẩy nhanh tiến độ thực hiện rà soát, kiểm tra và lập phương án phê duyệt cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và thực hiện tốt các cơ chế chính sách theo chỉ đạo của Chính phủ.

h) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Có các giải pháp tuyên truyền, hỗ trợ hướng dẫn và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình, qua đó góp phần nâng lên số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến một phần và toàn trình trên địa bàn tỉnh. Tổ chức vận hành có hiệu quả Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, đồng thời quan tâm đầu tư, nâng cấp các chức năng, tiện ích mới của Cổng dịch vụ công của tỉnh nhằm tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận thông tin, giải quyết hồ sơ trực tuyến.

3. Về chỉ số PCI và PGI

a) Tập trung khắc phục những tiêu chí giảm điểm, giảm hạng và đưa ra giải pháp để cải thiện và nâng cao những tiêu chí giảm điểm, giảm hạng do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đánh giá và công bố hàng năm.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiêm túc thực hiện tốt việc kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ

đạo. Đa dạng hóa kênh thông tin phản ánh, tiếp nhận và phản hồi trong giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp, ngăn ngừa các hành vi tiêu cực, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp của cán bộ, công chức góp phần tạo sự thân thiện, an toàn, minh bạch hơn trong môi trường kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện mô hình hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; lập, hoàn thiện hồ sơ khi thực hiện các TTHC, đảm bảo “tăng tỷ lệ người dân và doanh nghiệp nộp được hồ sơ hợp lệ ngay từ lần nộp đầu tiên và giảm tỷ lệ hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung ở mức thấp nhất”, không để người dân và doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần khi thực hiện TTHC.

d) Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng để nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp về ý nghĩa, tầm quan trọng của cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh; về trách nhiệm của các cấp, các ngành và công chức, viên chức trong cải thiện môi trường đầu tư.

đ) Nâng cao chất lượng công tác đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp, công khai kết quả theo dõi xử lý sau đối thoại với doanh nghiệp và đề xuất những bất cập trong quy định của pháp luật. Tăng cường gặp mặt, đối thoại doanh nghiệp; theo lĩnh vực từng sở, ban, ngành; theo địa bàn huyện, thành phố; theo nhóm doanh nghiệp với những vấn đề chung... Cần đảm bảo các cuộc gặp mặt, đối thoại này có sự tham gia của các doanh nghiệp, nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

e) Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp.

g) Các ngành, các cấp tập trung chỉ đạo quyết liệt bằng các giải pháp phải thực hiện có kết quả để cải thiện môi trường đầu tư, thông qua việc duy trì những chỉ số thành phần có vị trí cao, tăng bậc và cải thiện các chỉ số thành phần có vị trí thấp.

h) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhất là thực hiện tốt văn hoá công vụ, hướng tới phục vụ doanh nghiệp và người dân là trọng tâm. Đồng thời các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã có trách nhiệm quán triệt, phổ biến, tuyên truyền đối cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong thực thi công vụ.

i) Rà soát, kiến nghị cắt giảm, bãi bỏ TTHC rườm rà, gây khó khăn cho

người dân, doanh nghiệp; tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành tỉnh trong giải quyết thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai. Nâng cao tính minh bạch và tiếp cận thông tin.

k) Cải thiện chất lượng cung cấp thông tin trên Công thông tin điện tử của tỉnh liên quan đến quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến người dân và các doanh nghiệp (công bố kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng mới, các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các chính sách ưu đãi của tỉnh).

l) Tiếp tục kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch cải cách hành chính hằng năm và việc thực hiện một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; nâng cao tính năng động và tiên phong của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

m) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tạo lập môi trường kinh doanh thân thiện, hỗ trợ các nhà cung cấp dịch vụ tư nhân phát triển các loại hình dịch vụ miễn phí được Nhà nước hỗ trợ như: dịch vụ tìm kiếm thông tin, đối tác kinh doanh tư vấn thông tin pháp luật, dịch vụ liên quan đến công nghệ, xúc tiến thương mại...

n) Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nguồn lao động; tăng cường cải thiện thiết chế pháp lý; tiếp tục đầu tư nâng cao cơ sở hạ tầng.

o) Đào tạo kỹ năng giao tiếp cho đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là công chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp để nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các TTHC.

p) Tăng cường tuyên truyền về thực hiện cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh một cách sâu rộng để nâng cao hình ảnh, vị thế của trong thời kỳ đổi mới.

4. Về Chỉ số PAPI

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và chủ động tổ chức triển khai thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể tại cơ quan, đơn vị mình (*riêng đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai đến các xã, phường, thị trấn để thực hiện đồng bộ*).

Tập trung khắc phục các những tiêu chí giảm điểm, giảm hạng và đưa ra giải pháp để cải thiện và nâng cao những tiêu chí giảm điểm, giảm hạng do Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (VFF-CRT), Công ty Phân tích thời gian thực (RTA) đánh giá và công bố hằng năm.

b) Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong cải thiện Chỉ số PAPI của tỉnh; thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời việc công khai, minh bạch các thông tin theo quy định cho người dân, doanh nghiệp, gắn với trách nhiệm giải trình của tổ chức và cá nhân liên quan đến việc giải quyết TTHC, các phản ánh, kiến nghị liên quan đến người dân, doanh nghiệp đối với các dịch vụ công; công tác tiếp dân, đối thoại, tạo điều kiện để người dân được tham gia đối thoại tại cấp cơ sở và đóng góp ý kiến về các vấn đề bức xúc của người dân. Triển khai có hiệu quả Luật Thực hiện dân chủ cơ sở và Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thực hiện nội dung tại các Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ vào kết quả phân tích, đánh giá, rà soát lại từng chỉ số và các chỉ số thành phần của tỉnh, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân để kịp thời chấn chỉnh. Xây dựng kế hoạch cải thiện và nâng cao chất lượng các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, có giải pháp khắc phục cụ thể. Đồng thời, phân công nhiệm vụ cụ thể cho tập thể, cá nhân; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của công chức, viên chức, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo để đánh giá sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

2. Sở Nội vụ

a) Làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện các nội dung cải thiện và nâng cao chất lượng các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI và báo cáo từng chỉ số cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trên cơ sở kết quả các Chỉ số của tỉnh được Bộ Nội vụ, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI); Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng (CECODES), Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ và Nghiên cứu khoa học, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (VFF-CRT), Công ty Phân tích thời gian thực (RTA) công bố hằng năm phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo phân tích, đánh giá những mặt được và

những mặt còn hạn chế để đề ra các giải pháp khắc phục và cải thiện có hiệu quả các chỉ số của tỉnh. Xây dựng kế hoạch và phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức về các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI.

c) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch thành lập đoàn kiểm tra về triển khai thực hiện các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI đối với các sở, ban, ngành, huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Làm đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về thủ tục hành chính thuộc các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI. Theo dõi, đôn đốc Tổ công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị, địa phương tham mưu triển khai đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hằng năm đảm bảo nội dung và tiến độ theo quy định. Chủ động đề xuất các giải pháp triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả hoạt động của Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện những nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về công tác CCHC của tỉnh; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông nâng cao hiệu quả hoạt động của Công thông tin điện tử của tỉnh.

4. Sở Tư pháp

Làm đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về cải cách thủ tục hành chính thuộc các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PGI, PCI và PAPI và phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về các chỉ số.

5. Sở Tài chính

a) Làm đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về tài chính công thuộc các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh và hướng dẫn thanh, quyết

toán kinh phí để các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực những giải pháp về cải thiện và nâng cao chất lượng các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI hàng năm. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về các chỉ số.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Là đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần chính quyền điện tử, chính quyền số thuộc các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI. Phối hợp với Sở Nội vụ chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về các chỉ số.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai tốt việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 tại các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức triển khai thực hiện tốt cơ chế tài chính và tổ chức, quản lý, hiệu quả hoạt động, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Là đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư phụ trách thuộc các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về các chỉ số.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

9. Sở Tài Nguyên và Môi trường

a) Là đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về lĩnh vực tài nguyên và môi trường phụ trách thuộc các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc nâng cao chất

lượng và khắc phục tình trạng trễ hẹn trong việc giải quyết TTHC về đất đai thuộc thẩm quyền. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về công tác cải cách hành chính của tỉnh.

10. Sở Công Thương

Là đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về lĩnh vực công thương phụ trách thuộc các Chỉ số: PCI và PAPI. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về các chỉ số.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Là đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội phụ trách thuộc các Chỉ số: PCI và PAPI. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về các chỉ số.

12. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về lĩnh vực giáo dục và đào tạo công lập phụ trách thuộc các Chỉ số: PCI và PAPI. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về các chỉ số.

13. Sở Y tế

Là đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về lĩnh vực y tế công lập phụ trách Chỉ số PAPI. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về Chỉ số PAPI.

14. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Là đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành

phần về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn phụ trách thuộc Chỉ số PAPI. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về Chỉ số PAPI.

15. Thanh tra tỉnh

Là đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về lĩnh vực tham nhũng phụ trách thuộc các Chỉ số: PCI và PAPI. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về các chỉ số.

16. Cục Thuế tỉnh

Là đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về lĩnh vực thuế phụ trách thuộc Chỉ số PCI. Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về công tác cải cách hành chính của tỉnh.

17. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang

Là đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về lĩnh vực ngân hàng phụ trách thuộc Chỉ số Par Index, PCI. Phối hợp với Sở Nội vụ, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về các chỉ số.

18. Công an tỉnh

Là đầu mối chủ trì theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về lĩnh vực an ninh, trật tự phụ trách thuộc các Chỉ số: PCI và PAPI. Phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch chuẩn bị nội dung báo cáo định kỳ và đột xuất lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách về các chỉ số.

19. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch

Làm đầu mối, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, khảo sát tổng hợp kết quả thực hiện các nội dung cải thiện, nâng

cao Chỉ số: PCI, PGI và định kỳ báo cáo từng chỉ số cho Chủ tịch UBND tỉnh; phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh sở kết, tổng kết việc thực hiện cải thiện và nâng cao Chỉ số: PCI, PGI nhằm phân tích, đánh giá những mặt làm được và những mặt hạn chế để đề ra các giải pháp khắc phục.

20. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Công an tỉnh thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về giải quyết các tranh chấp, đúng pháp luật, các chi phí chính và không chính thức,... phụ trách thuộc Chỉ số PCI.

21. Đề nghị Cục Thi hành án dân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Công an tỉnh và Tòa án nhân dân tỉnh thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về thi hành án nhanh khi bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành phụ trách thuộc Chỉ số PCI.

22. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh

a) Là thành viên Ban chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số nội dung thành phần về Chỉ số PAPI.

b) Vận động đoàn viên, hội viên, người dân và doanh nghiệp tham gia giám sát việc thực hiện các giải pháp cải thiện và nâng cao chất lượng các Chỉ số của tỉnh.

23 Đề nghị Hội Cựu chiến binh tỉnh

Phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc tổ chức điều tra xã hội do Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức điều tra khảo sát theo Chỉ số SIPAS hằng năm.

24. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

Phát huy vai trò làm cầu nối cộng đồng doanh nghiệp và chính quyền các cấp; phối hợp với các sở, ngành chức năng và địa phương để nắm bắt kịp thời những thông tin và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

25. Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang, Báo Kiên Giang

Tăng cường tuyên truyền bằng nhiều hình thức về CCHC và việc thực hiện các Chỉ số: Par Index, SIPAS, PCI, PGI và PAPI trên địa bàn tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, và các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh biết,

hiểu được vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ tại Kế hoạch này; huy động sự tham gia, giám sát của Nhân dân và các tổ chức đoàn thể trong việc thực hiện Kế hoạch. Phát hiện, phản ánh chính xác, kịp thời những mặt tích cực và tiêu cực, đồng thời nhân rộng các gương điển hình làm tốt, hiệu quả trong công tác CCHC của tỉnh.

26. Chế độ báo cáo định kỳ

Định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm (chậm nhất là ngày 17 của tháng cuối kỳ báo cáo) các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo kết quả cải thiện và nâng cao các Chỉ số: Par Index, SIPAS (through qua Sở Nội vụ); PCI, PGI (through qua Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường) và PAPI (through qua Sở Nội vụ).

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét giải quyết.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 20/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải thiện và nâng cao các Chỉ số: Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Cải cách hành chính (PAR INDEX), Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) và Sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh Kiên Giang. /MYP

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Hội Cựu chiến binh tỉnh;
- Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- UBND cấp xã;
- LĐVP, CVNC, TT.PVHCC;
- Lưu: VT, hvathien.

CHỦ TỊCH



Lâm Minh Thành

Phụ lục 1
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦ THỂ CẢI THIỆN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHỈ SỐ PAR INDEX VÀ SIPAS
(Kèm theo Kế hoạch số 2/2023/KH-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC			
1	Kế hoạch CCHC Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch; số nhiệm vụ đã hoàn thành và số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Hằng năm
2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ Tham mưu UBND tỉnh báo cáo công tác CCHC định kỳ quý, 6 tháng, năm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Theo quy định
3	Kiểm tra CCHC Tham mưu UBND thành lập Đoàn kiểm tra và tiến hành kiểm tra đạt từ 30% số sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã. Trong đó, báo cáo UBND số vẫn đề phát hiện qua kiểm tra để kiến nghị UBND xử lý.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Hằng năm
4	Tuyên truyền công tác CCHC Tổ chức tuyên truyền công tác CCHC đạt 100% Kế hoạch. Trong đó tuyên truyền qua 02 hình thức: - Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. - Tuyên truyền nội dung CCHC thông qua các hình thức khác.	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang; Báo Kiên Giang, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên
5	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC Có từ 3 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên hoặc có từ 2 sáng kiến hoặc giải pháp mới trở lên	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên
6	Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp	Trung tâm Xúc tiến	Các sở, ban, ngành tỉnh,	Theo định kỳ

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	<ul style="list-style-type: none"> - Có từ 02 - 03 cuộc đối thoại/diễn đàn được tổ chức trong năm. - Ban hành văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn. - Xử lý đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. 	Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Kiên Giang	UBND cấp huyện	
7	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Tổng số nhiệm vụ được giao; số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ; số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Thường xuyên
II	CAI CÁCH THỂ CHẾ			
1	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL) <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các hoạt động về TDTHPL; - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật. 	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên
2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực; - Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát. 	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên
3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tư pháp	Theo quy định
4	Chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành <ul style="list-style-type: none"> - Tính đồng bộ, thống nhất của các VBQPPL do địa phương ban hành; - Tính hợp lý của các VBQPPL do địa phương ban hành; - Tính khả thi của các VBQPPL do địa phương ban hành; - Tính kịp thời phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL tại địa phương 	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Tư pháp	Thường xuyên

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
III	CAI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)			
1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC) <ul style="list-style-type: none"> - Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền; - Có các kiến nghị cải cách TTHC, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung VBQPPL quy định TTHC. 	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Theo quy định
2	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ <ul style="list-style-type: none"> - Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định; 	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Theo quy định
	<ul style="list-style-type: none"> - Công khai TTHC và các quy định có liên quan; - Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC 	Các sở, ban, ngành tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	
3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông <ul style="list-style-type: none"> - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp; - Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền. - Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa; - Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt; 	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên
4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn; - Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương. 	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh	Theo quy định
	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện, cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn; - Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương. 	UBND cấp huyện; UBND cấp xã		

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	- Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC;	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện		
5	<p>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh; - Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh. 	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	Theo quy định
IV	CAI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC			
1	<p>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các CQCM cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp huyện; - Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí; - Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021; - Tính hợp lý trong sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh; - Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị tại địa phương; - Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh. 	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Theo quy định
2	<p>Thực hiện các quy định về quản lý biên chế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính; - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh; 	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Theo quy định

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành; - Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp huyện, cấp xã; - Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra; - Tính hợp lý trong việc phân cấp, phân quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện 	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Theo quy định
V	CAI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ			
1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý; - Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt; - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt. 	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh.	Theo quy định
2	Tuyển dụng công chức, viên chức <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã; - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh; - Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức; - Tình trạng tiêu cực trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức. 	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã	Theo quy định
3	Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản 	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Theo quy định

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	<p>lý;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính công khai, minh bạch trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức; - Tình trạng tiêu cực trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức. 			
4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã; các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	Theo quy định
5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức <ul style="list-style-type: none"> - Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; - Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. 	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Theo quy định
6	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã <ul style="list-style-type: none"> - Số cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định; - Số công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định 	UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Theo quy định
7	Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc; - Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc; - Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc; - Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính. 	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Nội vụ	Theo quy định
VI	CAI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG			
1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước 	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã;	Theo quy định

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	(NSNN) - Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì; - Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN; - Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách; - Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính.	tư	các đơn vị sự nghiệp của tỉnh	
2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; - Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công; - Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý; - Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị; - Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã; các đơn vị sự nghiệp của tỉnh	Theo quy định
3	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) - Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên; - Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; - Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL; - Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021; - Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL.	Sở Tài chính	Các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện	Theo quy định
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ			

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	<p>Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định; - Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây; - Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); - Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức 	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Theo quy định
2	<p>Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại tỉnh; - Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền; - Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh do Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì 	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và cấp xã	Theo quy định
3	<p>Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định; - Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; - Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; - Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC do Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ chủ trì. - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; - Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình; - Thực hiện thanh toán trực tuyến. 	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Theo quy định

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
VIII	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI			
1	<p>Kết quả Chỉ số hài lòng (SIPAS)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ số hài lòng về tiếp cận dịch vụ; - Chỉ số hài lòng về TTHC; - Chỉ số hài lòng về công chức giải quyết TTHC; - Chỉ số hài lòng về kết quả giải quyết TTHC; - Chỉ số hài lòng về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC. 	Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ	Đại biểu HDND tỉnh; lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh, lãnh đạo UBND các huyện, thành phố; lãnh đạo cấp phòng thuộc các sở, ban, ngành tỉnh và cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh	Theo quy định
2	Mức độ thu hút đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên
3	<p>Mức độ phát triển doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường; - Số vốn đăng ký của doanh nghiệp; - Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh chủ trì. 	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên
4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục thuế tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên
5	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên

Phụ lục 2

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ CẢI THIỆN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHỈ SỐ PCI

(Kèm theo Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	CHI PHÍ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
2	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên - Biển mới 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
3	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
4	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông; Bưu điện tỉnh	
5	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% DN Đồng ý)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Văn phòng UBND tỉnh và UBND cấp huyện	
6	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (% DN Đồng ý)	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
7	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% DN Đồng ý)	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
8	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% DN Đồng ý)	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
9	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% Đồng ý) - Biển mới năm 2021 (% DN Đồng ý)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Cục Thuế tỉnh; Chi cục Thuế cấp huyện	
10	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%) - Biển mới 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở chuyên ngành tỉnh	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
11	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biến mới năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở chuyên ngành tỉnh	
12	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở chuyên ngành tỉnh	
13	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý) - Biến mới năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở chuyên ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	
14	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở chuyên ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	
15	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%) - Biến mới năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở chuyên ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	
16	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%) - Biến mới năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở chuyên ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	
17	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biến mới năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở chuyên ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	
18	Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở chuyên ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	
19	Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở chuyên ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
II	TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI VÀ TÍNH ỔN ĐỊNH TRONG SỬ DỤNG ĐẤT	Sở Tài nguyên và Môi trường		
1	Số ngày chờ đợi để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trung vị)	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện	
2	Doanh nghiệp tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	UBND cấp huyện	
3	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện	UBND cấp huyện	
4	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	UBND cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường	
5	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	
6	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%) - Biến mới năm 2021	Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	UBND cấp huyện, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành có liên quan	
7	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%) - Biến mới năm 2021	Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh	
8	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%) - Biến mới năm 2021	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú	Sở Xây dựng, Hội đồng thẩm định giá, UBND cấp huyện	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		Quốc, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh		
9	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện; Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	
10	Tỷ lệ DN tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện	
11	Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện	
12	Tỷ lệ DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	UBND cấp huyện, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành có liên quan	
13	Tỷ lệ DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (%)	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện	
14	Tỷ lệ DN phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai - Biển mới năm 2021	Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	UBND cấp huyện, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành có liên quan	
III	TÍNH MINH BẠCH	Sở Thông tin và Truyền thông		
1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện		
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	Các sở, ban, ngành tỉnh và		

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		UBND cấp huyện		
3	Minh bạch trong đấu thầu (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện		
5	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện		
6	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì đối với nội dung trên website của tỉnh - Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì đối với nội dung trên cổng hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
7	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (% Đồng ý)- Biến mới năm 2021	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
8	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)- Biến mới năm 2021	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
9	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện		
10	Cần có “mối quan hệ” để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện		
11	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	Cục Thuế tỉnh	Chi cục Thuế cấp huyện	
12	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Cục Thuế tỉnh	Chi cục Thuế cấp huyện	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
13	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (% DN)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
14	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thẻ) - Điều chỉnh năm 2021	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	
15	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thẻ) - Biến mới năm 2021	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	
16	Chất lượng website của tỉnh - Điều chỉnh năm 2021	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
17	Tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (%)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
IV	CHI PHÍ THỜI GIAN	Văn phòng UBND tỉnh		
1	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
2	Cán bộ nhà nước thân thiện (% Đồng ý)	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã	
3	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% Đồng ý)	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã	
4	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã		
5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã		

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
6	Phí, lệ phí được công khai (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã		
7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã		
8	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	
9	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết kiệm thời gian cho DN (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
10	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết kiệm chi phí cho DN (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
11	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
12	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm - Điều chỉnh năm 2021	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	
13	Tỷ lệ DN nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ nhũng nhiễu doanh nghiệp (%)	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	
14	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)	Cục Thuế tỉnh	Chi cục thuế cấp huyện	
V	CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC	Thanh tra tỉnh		
1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện		
2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã		

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã		
4	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã		
5	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện		
6	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN (%) - Biển mới năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
7	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%) - Biển mới năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và cấp xã	
8	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra tra phòng cháy, chữa cháy (%) - Biển mới năm 2021	Công an tỉnh		
9	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%) - Biển mới năm 2021	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện	
10	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%) - Biển mới năm 2021	Cục Quản lý thị trường tỉnh		
11	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%) - Biển mới năm 2021	Cục Thuế tỉnh	Chi cục Thuế cấp huyện	
12	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng - Biển mới năm 2021	Sở Xây dựng	UBND cấp huyện	
13	DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện		
14	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện	Sở Tài nguyên và Môi	UBND cấp huyện	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	thủ tục đất đai (% DN)	trường		
15	Chi trả “hoa hồng” là cần thiết để có cơ hội thăng thầu (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
16	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng “chạy án” là phổ biến (%)	Toà án nhân dân tỉnh	Toà án nhân dân cấp huyện	
VI	CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
1	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Các sở, ban, ngành tỉnh	UBND cấp huyện	
2	Tinh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện		
3	Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
4	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện	
5	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện		
6	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện		
7	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND cấp huyện	
8	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện		
9	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Cục thuế tỉnh	Chi cục thuế cấp huyện	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
10	Việc tinh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện		
11	“Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh” (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện		
VII	TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ TIÊN PHONG CỦA CHÍNH QUYỀN	Văn phòng UBND tỉnh		
1	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% DN)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
2	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm”	Các sở, ban, ngành tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	
3	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý) - Điều chỉnh năm	Các sở, ban, ngành tỉnh	UBND cấp huyện	
4	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh	
5	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý)	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	
6	Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành	UBND cấp huyện, xã		
7	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
8	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý) - Biến mới năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
9	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình - Biến mới năm 2021	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
VIII	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
1	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV dễ thực hiện (%) - Biển mới năm 2021	Quỹ đầu tư phát triển Kiên Giang		
2	Thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp dễ thực hiện (%) - Biển mới năm 2021	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện		
3	Thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm CN là dễ thực hiện (%) - Biển mới năm 2021	Sở Tài nguyên và Môi trường	BQL Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện	
4	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN dễ thực hiện (%) - Biển mới năm 2021	Sở Tư pháp		
5	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN dễ thực hiện (%) - Biển mới năm 2021	Các sở, ban, ngành tỉnh liên quan		
6	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp dễ thực hiện (%) - Biển mới năm 2021	Trung Tâm xúc tiến Đầu tư và Thương mại Du lịch	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	
7	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động dễ thực hiện (%) - Biển mới năm 2021	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện	
8	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (% Đáp ứng) - Biển mới năm 2021	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành có liên quan	
9	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%) - Biển mới năm 2021	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành có liên quan	
10	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs - Biển mới năm 2021	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
11	Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%) - Biến mới năm 2021	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
12	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh		
13	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh		
IX	ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội		
1	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	
2	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	
3	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%) - Biến mới năm 2021	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	
4	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	
5	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện	
6	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đóng ý)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	
7	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%) - Biến mới năm 2021	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		
8	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (%), TCTK)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
9	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%) - Điều chỉnh năm 2021	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	
10	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện	
11	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDĐT)- Biển mới 2021	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện	
X	THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN NINH TRẬT TỰ			
A	Thiết chế pháp lý	Sở Tư pháp		
1	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc luôn luôn)	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, xã	
2	Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	Toà án nhân dân tỉnh	Toà án nhân dân cấp huyện	
3	Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	Toà án nhân dân tỉnh	Toà án nhân dân cấp huyện	
4	Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện		
5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý)	Toà án nhân dân tỉnh	Toà án nhân dân cấp huyện	
6	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý)	Toà án nhân dân tỉnh	Toà án nhân dân cấp huyện	
7	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý)	Toà án nhân dân tỉnh	Toà án nhân dân cấp huyện	
8	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% Đồng ý)	Sở Tư pháp		
9	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biển mới năm 2021	Toà án nhân dân tỉnh	Toà án nhân dân cấp huyện	

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
10	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý) - Biểu mới năm 2021	Tòa án nhân dân tỉnh	Toà án nhân dân cấp huyện	
11	Phán quyết của tòa án là công bằng (% Đồng ý)	Tòa án nhân dân tỉnh	Toà án nhân dân cấp huyện	
12	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	Tòa án nhân dân tỉnh	Toà án nhân dân cấp huyện	
13	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh (%, TANDTC)	Tòa án nhân dân tỉnh	Toà án nhân dân cấp huyện	
14	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (%, TANDTC)	Tòa án nhân dân tỉnh	Toà án nhân dân cấp huyện	
B	An ninh trật tự	Công an tỉnh		
15	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%)	Công an tỉnh	Công an cấp huyện, xã	
16	Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%)	Công an tỉnh	Công an cấp huyện, xã	
17	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%)	Công an tỉnh	Công an cấp huyện, xã	
18	Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	Công an tỉnh	Công an cấp huyện, xã	

Phụ lục 3

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦ THỂ CẢI THIỆN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHỈ SỐ PGI
(Kèm theo Kế hoạch số 311 /KH-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	CSTP 1. GIẢM THIÊU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA BĐKH (CHO DOANH NGHIỆP)	Sở Tài nguyên và Môi trường	BQLKKT tỉnh và Phú Quốc, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên
1	Chất lượng môi trường tổng thể tại tỉnh là tốt hoặc rất tốt (% DN)			
2	Môi trường tại tỉnh không ô nhiễm hoặc hơi ô nhiễm (% DN đồng ý)			
3	Hoạt động kinh doanh của DN không bị ảnh hưởng bởi mức độ ô nhiễm (% DN đồng ý)			
4	Tình trạng DN gây ô nhiễm môi trường là phổ biến tại tỉnh (% DN đồng ý)			
5	Chuyển địa điểm đầu tư đến địa phương có ít rủi ro thiên tai hơn (% DN)			
6	Thiên tai và BĐKH gây khó khăn cho hoạt động của DN (% DN)			
7	Dữ liệu Bộ TNMT: Số trạm quan trắc chất lượng không khí tại các đô thị loại IV trở lên trên 10.000 dân đô thị			
II	CSTP 2. ĐẢM BẢO TUÂN THỦ CÁC TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG TỐI THIẾU	Sở Tài nguyên và Môi trường	BQLKKT tỉnh và Phú Quốc, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên
1	Tỉnh có giải pháp hiệu quả để phòng ngừa tình trạng ô nhiễm môi trường (% DN đồng ý)			
2	Tỉnh khắc phục nhanh chóng các sự cố ô nhiễm môi trường (% DN đồng ý)			
3	Tỉnh nghiêm túc xử phạt các DN gây ô nhiễm môi trường (% DN đồng ý)			
4	Thanh tra môi trường tạo cơ hội cho cán bộ thanh kiểm tra những nhiễu DN (% DN)			

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
5	Cơ quan nào đã thanh kiểm tra DN trong năm qua: Thanh tra môi trường (% DN)			
6	DN đã trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh tra môi trường (% DN)			
7	Dữ liệu BTNMT: Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)			
8	Dữ liệu BTNMT: Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày trở lên có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)			
9	Dữ liệu BTNMT: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn (%)			
10	Dữ liệu BTNMT: Chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (%)			
III	CSTP 3. VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH TRONG THỰC ĐÀY THỰC HÀNH XANH	Sở Tài nguyên và Môi trường	BQLKKT tỉnh và Phú Quốc, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên
1	CQNN tại tỉnh ưu tiên mua hàng hóa dịch vụ của các doanh nghiệp “xanh” (% DN)			
2	CQNN tại tỉnh sẵn sàng trả giá cao hơn khi mua hàng hóa dịch vụ của các doanh nghiệp “xanh” (% DN)			
3	DN được hướng dẫn về quy định pháp luật môi trường (%) DN được hướng dẫn về bảo tồn, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả (%)			
4	DN được hướng dẫn về sử dụng năng lượng tái tạo (%)			
5	DN được hướng dẫn về sản xuất năng lượng tái tạo (%)			
6	DN được hướng dẫn về giảm thiểu sử dụng nhựa (%)			
7	DN được hướng dẫn về đầu tư vào quản lý hiệu quả chất thải rắn (%)			
8	DN được hướng dẫn về hạn chế ô nhiễm nguồn nước (%)			
9	DN được hướng dẫn về sử dụng nước tiết kiệm (%)			

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
10	DN được hướng dẫn về giảm thiểu ô nhiễm không khí (%)			
11	DN được hướng dẫn về tái trồng rừng (%)			
12	Dữ liệu BTNMT: Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp BVMT (%)			
13	Dữ liệu BTNMT: Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp BVMT (%)			
14	Dữ liệu BTNMT: Số lượng công chức, cán bộ thực hiện nhiệm vụ BVMT trên 1 triệu dân			
IV	CSTP 4. CHÍNH SÁCH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	Sở Tài nguyên và Môi trường	BQLKKT tỉnh và Phú Quốc, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên
1	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả (0-4)			
2	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về năng lượng sạch/năng lượng tái tạo (0-4)			
3	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về giảm thiểu ô nhiễm không khí (0-4)			
4	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về giảm thiểu ô nhiễm nước và nước thải (0-4)			
5	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về giảm thiểu rác thải nhựa (0-4)			
6	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về tái chế rác thải (0-4)			
7	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về tăng khả năng chống chịu thiên tai (0-4)			
8	Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về tái trồng rừng (0-4)			
9	Chính quyền tỉnh cung cấp dịch vụ tư vấn để cải thiện hoạt động môi trường (0-4)			
10	Chính quyền tỉnh cung cấp dịch vụ đào tạo để cải thiện hoạt động môi trường (0-4)			

Phụ lục 4
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦ THỂ CẢI THIỆN, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHỈ SỐ PAPI
(Kèm theo Kế hoạch số 2/UBND/KH-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Tham gia của người dân ở cấp cơ sở (Phần đầu đạt điểm thuộc nhóm trung bình thấp của cả nước).			
1	Tri thức công dân - Hiểu biết về chính sách hiện hành (%). - Hiểu biết về vị trí lãnh đạo (%)	Sở Tư pháp	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Kiên Giang; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Định kỳ hàng tháng
2	Cơ hội tham gia - Tham gia vào các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, đoàn thể (%). - Tham gia vào các tổ chức xã hội, hội, nhóm, câu lạc bộ tự lập (%). - Tỷ lệ người trả lời đã tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân lần gần đây nhất (%). - Tỷ lệ người trả lời đã tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội lần gần đây nhất (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố là do dân bầu (%). - Tỷ lệ người trả lời trực tiếp bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố (%).	UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ban ngành tỉnh có liên quan; UBND cấp xã	Trước và trong quá trình bầu cử; khi tổ chức lấy ý kiến dân dân, hoặc theo quy định khác của pháp luật
3	Chất lượng bầu cử cấp cơ sở	Sở Nội vụ	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và	Trước và trong

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời cho biết có từ hai ứng cử viên trở lên để dân bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết gia đình được mời đi bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết hình thức bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố là bỏ phiếu kín (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết kết quả bầu cử trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố được niêm yết công khai (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết chính quyền không gợi ý bầu cho một ứng viên cụ thể (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã bầu cho người đã trúng cử (%). 		các tổ chức thành viên các cấp, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Kiên Giang; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	và sau bầu cử; định kỳ hàng quý, hoặc theo quy định của pháp luật
4	<p>Đóng góp tự nguyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời cho biết đã đóng góp tự nguyện cho một công trình công cộng ở xã/phường nơi sinh sống (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết Ban Thanh tra nhân dân hoặc Ban giám sát đầu tư cộng đồng giám sát việc xây mới/tu sửa công trình (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết đóng góp của họ được ghi chép vào sổ sách của xã/phường (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết đã tham gia vào việc quyết định xây mới/tu sửa công trình công cộng ở xã/phường (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết có tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình thiết kế để xây mới/tu sửa công trình (%). 	Sở Tài chính	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp, các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
II	Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định ở địa phương (Phản ánh đạt điểm thuộc nhóm trung bình)			

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	tháp của cả nước).			
1	<p>Tiếp cận thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời cho biết đã tìm kiếm thông tin về chính sách, pháp luật từ chính quyền địa phương (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết đã nhận được thông tin chính sách, pháp luật từ chính quyền địa phương (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết thông tin chính sách, pháp luật nhận được là hữu ích (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết thông tin về chính sách, pháp luật từ cơ quan chính quyền là đáng tin cậy (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết KHÔNG phải trả chi phí không chính thức mới lấy được thông tin từ chính quyền địa phương (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết KHÔNG phải chờ đợi quá lâu mới lấy được thông tin từ chính quyền địa phương (%). 	Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp, các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện, cấp xã	Định kỳ theo quy định
2	<p>Công khai danh sách hộ nghèo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời cho biết danh sách hộ nghèo được công bố công khai trong 12 tháng qua (%). - Có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo (% người trả lời cho là đúng) (%). - Có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo (% người trả lời cho là đúng) (%). 	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp, các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã, UBND cấp huyện	Định kỳ theo quy định
3	<p>Công khai, minh bạch ngân sách cấp xã</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu chi ngân sách của xã/phường được công bố công khai (%). 	Sở Tài chính	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp, các sở, ngành liên quan;	Định kỳ theo quy định

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời cho biết đã từng đọc bảng kê thu chi ngân sách (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết họ tin vào tính chính xác của thông tin về thu chi ngân sách đã công bố (%) 		UBND cấp huyện; UBND cấp xã.	
4	<p>Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khung giá đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của địa phương (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết họ có dịp góp ý kiến cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết chính quyền địa phương đã tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (%). - Ảnh hưởng của kế hoạch/quy hoạch sử dụng đất tới hộ gia đình (1=Không có ảnh hưởng gì, 2=Bất lợi; 3=Có lợi). - Tỷ lệ người trả lời cho biết hộ gia đình không bị thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gần đây (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết khi bị thu hồi đất, gia đình được thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất mới (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết đất bị thu hồi hiện đang được sử dụng đúng với mục đích quy hoạch ban đầu (%). - Tỷ lệ người trả lời biết nơi cung cấp thông tin bảng giá đất được chính thức ban hành ở địa phương (%). 	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp, các sở, ngành liên quan; Sở Xây dựng, Sở Tài chính; UBND cấp xã	Khi cấp có thẩm quyền phê duyệt

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
III	Trách nhiệm giải trình với người dân (Phản ánh đạt điểm thuộc nhóm trung bình cao của cả nước).			
1	<p>Mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ với trưởng thôn/tổ trưởng TDP để giải quyết khúc mắc (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với trưởng thôn/tổ trưởng TDP để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ cán bộ UBND xã/phường để giải quyết khúc mắc (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với cán bộ UBND xã/phường để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ cán bộ đoàn thể để giải quyết khúc mắc (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với cán bộ đoàn thể để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã liên hệ cán bộ HĐND xã/phường để giải quyết khúc mắc (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết cuộc gặp với cán bộ HĐND xã/phường để giải quyết khúc mắc có kết quả tốt (%). 	Sở Nội vụ	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp, các sở, ngành liên quan; Thanh tra tỉnh; VP. UBND tỉnh và các cơ quan liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
2	<p>Giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã gửi khuyễn nghị, tố giác, tố cáo, khiếu nại tới chính quyền địa phương (%). - Tỷ lệ người trả lời đã gửi khuyễn nghị, tố giác, tố cáo, khiếu nại cho biết đã được chính quyền phúc đáp thỏa đáng (%). 	Thanh tra tỉnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp, các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Định kỳ theo quy định

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
3	Tiếp cận dịch vụ tư pháp <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời tin vào tòa án và các cơ quan tư pháp địa phương (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết sẽ sử dụng tòa án địa phương khi có tranh chấp dân sự (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết sẽ sử dụng các biện pháp phi tòa án khi có tranh chấp dân sự (%). 	Tòa án tỉnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; Sở Tư pháp; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên
IV	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công (Phản đấu đạt điểm thuộc nhóm trung bình cao của cả nước).			
1	Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời cho biết cán bộ chính quyền KHÔNG dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền để được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền để nhận được giấy phép xây dựng (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền cho cán bộ khi làm chứng thực, xác nhận (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền khi làm thủ tục hành chính ở Ủy ban Nhân dân cấp xã (%). 	Thanh tra tỉnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
2	Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời cho biết người dân KHÔNG phải chi thêm tiền để được quan tâm hơn khi đi khám chữa bệnh (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết phụ huynh học sinh tiêu 	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện;	Định kỳ theo quy định

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	học KHÔNG phải chi thêm tiền để con em được quan tâm hơn (%)		UBND cấp xã	
3	Công bằng trong tuyển dụng vào khu vực công - Tỷ lệ người trả lời cho biết KHÔNG phải đưa tiền ‘lót tay’ để xin được việc làm trong cơ quan nhà nước (%). - Mỗi quan hệ cá nhân với người có chức quyền là không quan trọng khi xin vào làm 1 trong số 5 vị trí được hỏi (0=rất quan trọng; 5=không quan trọng chút nào).	Sở Nội vụ	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
4	Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương - Tỷ lệ người dân cho biết KHÔNG bị vòi vĩnh đòi hỏi lộ trong 12 tháng vừa qua (%). - Tỷ lệ người dân cho biết chính quyền tỉnh/thành phố đã xử lý nghiêm túc vụ việc tham nhũng ở địa phương (%). - Mức tiền đòi hỏi lộ người dân bắt đầu tố cáo (đơn vị 1000 VNĐ). - Người bị vòi vĩnh đã tố cáo hành vi đòi hỏi lộ (%). - Tỷ lệ người làm thủ tục sổ đỏ đã phải “chung chi” (%). - Tỷ lệ người dân (có người thân hoặc bản thân) đi điều trị ở bệnh viện tuyến huyện/quận đã phải “chung chi” (%)	Thanh tra tỉnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
V	Thủ tục hành chính công (Phản ánh đạt điểm thuộc nhóm cao nhất của cả nước).			
1	Dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền - Tỷ lệ người dân đã làm thủ tục lấy chứng thực, xác nhận của chính quyền (%).	Sở Tư pháp	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan;	Thường xuyên

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng chất lượng dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền (4 tiêu chí). - Mức độ hài lòng với dịch vụ nhận được (5 điểm). 		UBND cấp huyện; UBND cấp xã	
2	<p>Thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người dân cho biết hộ gia đình đã xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (%). - Tỷ lệ người đi làm thủ tục cho biết không phải đi qua nhiều ‘cửa’ để làm xong các thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (%). - Tỷ lệ người đi làm thủ tục cho biết đã nhận được kết quả liên quan đến giấy CNQSD đất (%). - Tổng chất lượng dịch vụ hành chính về thủ tục liên quan đến giấy CNQSD đất (4 tiêu chí). - Mức độ hài lòng với dịch vụ nhận được (5 điểm). 	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; UBND cấp xã	Thường xuyên
3	<p>Dịch vụ hành chính cấp xã</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người dân cho biết hộ gia đình/bản thân đã làm thủ tục hành chính ở UBND xã, phường, thị trấn (%). - Tỷ lệ người đi làm thủ tục cho biết không phải đi qua nhiều ‘cửa’ để làm xong thủ tục (%). - Tổng chất lượng dịch vụ hành chính của UBND xã, phường (4 tiêu chí). - Mức độ hài lòng với dịch vụ nhận được (5 điểm). 	Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện	Thường xuyên
4	<p>Thủ tục hành chính cấp xã</p> <p>Thực hiện niêm yết công khai, đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính, phí, lệ phí theo quy định; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở xã, phường thị trấn; rà soát phân công, bố trí đội ngũ cán</p>	Văn phòng UBND tỉnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	bộ, công chức trực tiếp giải quyết TTHC phù hợp với vị trí việc làm, đúng người, đúng năng lực sở trường.			
VI	Cung ứng dịch vụ công (Phản ánh đạt điểm thuộc nhóm trung bình thấp của cả nước).			
1	<p>Y tế công lập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người được hỏi có bảo hiểm y tế (%). - Tác dụng của thẻ bảo hiểm y tế (1=Không có tác dụng, 4=Có tác dụng rất tốt). - Dịch vụ khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi (1=Rất kém; 5=Rất tốt). - Tỷ lệ người được hỏi cho biết người nghèo được hỗ trợ để mua bảo hiểm y tế (%). - Tỷ lệ người được hỏi cho biết trẻ em dưới 6 tuổi được miễn phí khám chữa bệnh (%). - Tổng chất lượng bệnh viện tuyến huyện, thành phố (10 tiêu chí). 	Sở Y tế	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; Bảo hiểm Xã hội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
2	<p>Giáo dục tiểu học công lập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quãng đường đi bộ tới trường (KM – theo giá trị trung vị). - Quãng thời gian tới trường (PHÚT – theo giá trị trung vị). - Nhận xét về chất lượng dạy học của trường tiểu học công lập (1=Rất kém; 5=Rất tốt). - Tổng chất lượng trường tiểu học tại địa bàn xã/phường (8 tiêu chí). 	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Định kỳ theo quy định
3	<p>Cơ sở hạ tầng căn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người được hỏi cho biết hộ gia đình đã dùng 	Sở Giao thông Vận tải	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; Sở Nông nghiệp và Phát	Định kỳ theo quy định

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	<p>điện lưới (%).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người được hỏi cho biết hộ gia đình không bị cắt/cúp điện trong 12 tháng qua (%). - Loại đường giao thông gần hộ gia đình nhất (1=Đường đất; 4=Đường trải nhựa). - Mức độ thường xuyên của dịch vụ thu gom rác thải của chính quyền địa phương (0=Không có; 4=Hàng ngày). - Tỷ lệ người được hỏi cho biết hộ gia đình mình dùng nước máy là nguồn nước ăn uống chính (%) (5=Trạm cấp nước tập trung; 6=nước máy về tận nhà). - Tỷ lệ người được hỏi cho biết hộ gia đình mình dùng nước chua hợp vệ sinh (%) (1=Nước mưa; 2=Nước sông/hồ/suối). 		triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	
4	<p>An ninh, trật tự tại địa bàn khu dân cư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức độ an toàn, trật tự ở địa bàn đang sinh sống (1=Rất không an toàn; 3=Rất an toàn). - Tỷ lệ người được hỏi cho biết có thay đổi về mức độ an ninh theo hướng tốt lên sau 3 năm (%). - Tỷ lệ người được hỏi cho biết là nạn nhân của một trong 4 loại tội phạm về an ninh, trật tự (%). - Cảm thấy an toàn khi đi bộ một mình vào ban ngày (3=rất an toàn). - Cảm thấy an toàn khi đi bộ một mình vào ban đêm (3=rất an toàn). 	Công an tỉnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
VII	Quản trị môi trường (Phấn đấu đạt điểm thuộc nhóm cao nhất của cả nước).			
1	Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường	Sở Tài nguyên và Môi	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và	Thường xuyên

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời cho biết doanh nghiệp tại địa phương KHÔNG đưa hối lộ để trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ môi trường (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết bảo vệ môi trường cần được ưu tiên hơn phát triển kinh tế bằng mọi giá (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết họ đã báo cáo và yêu cầu xử lý sự cố/vấn đề môi trường ở địa phương (%). - Cơ quan chức năng của chính quyền địa phương đã giải quyết sự cố/vấn đề môi trường được thông báo (%). 	trường	các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã;	
2	<p>Chất lượng không khí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời cho biết không phải đeo khẩu trang để tránh ô nhiễm không khí khi đi lại ở địa bàn nơi cư trú (%). - Tỷ lệ người trả lời đánh giá chất lượng không khí nơi cư trú đủ tốt (%). - Tỷ lệ người trả lời cho rằng chất lượng không khí ở địa phương tốt hơn 3 năm trước (%). 	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; Công an tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã;	Thường xuyên
3	<p>Chất lượng nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để uống (%). - Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để giặt giũ (%). - Nước từ sông/kênh/rạch/suối gần nhà đủ sạch để bơi lội (%). 	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên
VII	Quản trị điện tử cấp tỉnh (Phần đầu đạt điểm thuộc nhóm trung bình cao của cả nước).	Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên các cấp; các sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện; UBND	Thường xuyên

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
			cấp xã	
1	<p>Sử dụng Công thông tin điện tử của chính quyền địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời cho biết đã lấy đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ công thông tin điện tử địa phương khi làm chứng thực, xác nhận (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết đã lấy đủ thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu cần thực hiện từ công thông tin điện tử địa phương khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (%). 			
2	<p>Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời tiếp cận tin tức trong nước qua Internet (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết có kết nối Internet tại nhà (%). 			
3	<p>Phúc đáp của chính quyền qua Công thông tin điện tử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người trả lời cho biết đã sử dụng công dịch vụ công trực tuyến ở địa phương khi làm thủ tục hành chính do cấp xã/phường thực hiện (%). - Tỷ lệ người trả lời cho biết công thông tin điện tử của tỉnh, thành phố dễ sử dụng cho tra cứu thông tin (%). - Tỉ lệ người trả lời cho biết chính quyền địa phương có đăng tải dự thảo chính sách, pháp luật lên công thông tin điện tử để lấy ý kiến nhân dân (%). 			